

Bản án số: **09/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 16 - 01 - 2025

“V/v: Không công nhận quan hệ
vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Tùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Thiết.

2. Bà Nguyễn Hà Linh.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Hứa Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16/01/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 353/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30/12/2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Đinh Thị H, sinh năm 1971.

- **Bị đơn:** Ông Lương Văn Q, sinh năm 1967.

Cùng nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Bà H, ông Q đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà Đinh Thị H trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Lương Văn Q được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống đến năm 2018 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông Q thường xuyên uống rượu say dẫn đến xảy ra to tiếng cãi chửi

nhau. Bà xác định không còn tình cảm với ông Q, mâu thuẫn giữa bà với ông Q đã quá căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Thực tế bà và ông Q đã sống ly thân nhau mỗi người một nhà không ai quan tâm đến nhau nữa. Bà đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Lương Văn Q theo quy định pháp luật.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống bà và ông Lương Văn Q có 02 người con chung là Lương Ngọc D, sinh ngày 03/5/1989 và Lương Thế T, sinh ngày 29/02/1992. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành trên 18 tuổi sức khỏe phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, đất đai chung*: Bà và ông Lương Văn Q tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ chung*: Bà và ông Lương Văn Q không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Đinh Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà H giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

*** Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Lương Văn Q trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông và bà Đinh Thị H được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống và ông bà đã sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay mỗi người một nhà không quan tâm đến nhau nữa. Nay bà Đinh Thị H đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Đinh Thị H thì ông cũng nhất trí, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống ông và bà Đinh Thị H có 02 con chung là Lương Ngọc D, sinh ngày 03/5/1989 và Lương Thế T, sinh ngày 29/02/1992. Hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành trên 18 tuổi sức khỏe phát triển bình thường nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, đất đai chung*: Ông và bà Đinh Thị H tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ chung*: Ông và bà Đinh Thị H không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông Lương Văn Q vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Q giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

Qua xác minh tại tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện H được cung cấp thông tin: Hiện nay bà Đinh Thị H và ông Lương Văn Q là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú

và cư trú tại tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Bà Đinh Thị H và ông Lương Văn Q được tự do tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 đến nay trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống ông Q và ông Q không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Tòa án tiến hành xác minh tại UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang ngày 25/12/2024 kết quả như sau: Qua kiểm tra Sổ đăng ký kết hôn lưu tại UBND thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang từ trước đến nay không thể hiện việc bà Đinh Thị H có đăng ký kết hôn với ông Lương Văn Q.

Về tài liệu, chứng cứ, các đương sự cung cấp cho Tòa án gồm:

- Nguyên đơn bà Đinh Thị H cung cấp cho Tòa án: 01 Đơn khởi kiện; 01 Căn cước công dân của bà H (Bản sao chứng thực); 02 Giấy xác nhận thông tin về cư trú (bản chính); 02 Căn cước công dân của Lương Ngọc D và Lương Thế T (Bản sao chứng thực).

- Bị đơn ông Lương Văn Q cung cấp cho Tòa án: Không có.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- *Về tố tụng:* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn bà Đinh Thị H và bị đơn ông Lương Văn Q chấp hành tốt các quy định pháp luật.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 9, các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử không công nhận bà Đinh Thị H và ông Lương Văn Q là vợ chồng.

- Về án phí: Bà Đinh Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Ông Lương Văn Q không phải chịu án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Bà Đinh Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Lương Văn Q nên xác định đây là vụ án “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Theo thông tin đương sự cung cấp và Tòa án xác minh thì hiện nay bị đơn ông Lương Văn Q là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa:* Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đinh Thị H và ông Lương Văn Q chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay, trước khi chung sống ông bà được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Q là không hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý*” và tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: “*Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003 trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng*”. Như vậy, bà H và ông Q chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Thực tế bà H và ông Q đã sống ly thân nhau, trong thời gian sống ly thân các bên không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, vì vậy bà H làm đơn yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà với ông Q. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên cũng đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông Q. Xét thấy yêu cầu của bà Đinh Thị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ không công nhận bà Đinh Thị H và ông Lương Văn Q là vợ chồng là

phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội và khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. *Về con chung*: Bà Đinh Thị H và ông Lương Văn Q có 02 con chung là Lương Ngọc D, sinh ngày 03/5/1989 và Lương Thế T, sinh ngày 29/02/1992. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cả hai con chung của bà H và ông Q đều đã đủ 18 tuổi trưởng thành, sức khỏe phát triển bình thường và có khả năng tự lao động được nên bà H và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, đất đai chung*: Bà Đinh Thị H và ông Lương Văn Q cùng xác định tự thỏa thuận chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. *Về công nợ chung*: Bà Đinh Thị H và ông Lương Văn Q cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. *Về án phí*: Bà Đinh Thị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Ông Lương Văn Q không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 9, các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Đinh Thị H và ông Lương Văn Q là vợ chồng.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Đinh Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002885 ngày 17/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (nộp theo hình thức trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia ngày 16/12/2024). Ghi nhận bà Đinh Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Bị đơn ông Lương Văn Q không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đinh Thị H và ông Lương Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND thị trấn Tân Yên (Đề biết);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Tùng